

CHÍNH PHỦ

Số: 87/2006/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Khoa học và Công nghệ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng của Thanh tra Khoa học và Công nghệ

Thanh tra Khoa học và Công nghệ là cơ quan thanh tra theo ngành, lĩnh vực, thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi chung là lĩnh vực khoa học và công nghệ) theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng của Thanh tra Khoa học và Công nghệ

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam tham gia hoạt động trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Thanh tra Khoa học và Công nghệ

1. Hoạt động Thanh tra Khoa học và Công nghệ phải tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, trung thực, khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời; không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên và các thành viên Đoàn thanh tra phải tuân theo đúng quy định của pháp luật về thanh tra và quy định của Nghị định này; phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi và quyết định của mình.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Tổ chức Thanh tra Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức Thanh tra Khoa học và Công nghệ bao gồm:

a) Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là Thanh tra Bộ);

b) Thanh tra Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Thanh tra Cục Kiểm soát và An toàn bức xạ, hạt nhân (sau đây gọi chung: "Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng" và "Cục Kiểm soát và An toàn bức xạ, hạt nhân" là "Tổng cục"; "Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng" và "Cục trưởng Cục Kiểm soát và An toàn bức xạ, hạt nhân" là "Tổng cục trưởng"; "Thanh tra Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng" và "Thanh tra Cục Kiểm soát và An toàn bức xạ, hạt nhân" là "Thanh tra Tổng cục");

c) Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là Thanh tra Sở).

2. Các cơ quan Thanh tra Khoa học và Công nghệ có con dấu và tài khoản riêng.

Mục 1

THANH TRA BỘ

Điều 5. Vị trí, chức năng, tổ chức của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan của Bộ Khoa học và Công nghệ, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhà nước về công tác thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thanh tra Bộ có các phòng trực thuộc do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra và các Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra. Phó Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Thanh tra viên được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế và mối quan hệ công tác của Thanh tra Bộ.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành; kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; kiến nghị với cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái với văn bản pháp luật về khoa học và công nghệ được phát hiện qua công tác thanh tra.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

4. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Giúp Bộ trưởng tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

6. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về chống tham nhũng.

7. Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ về thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra Tổng cục và Thanh tra Sở; hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện quy định của pháp luật về công tác thanh tra.

8. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ với Bộ trưởng và Tổng Thanh tra.

9. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Bộ và quyết định về xử phạt vi phạm hành chính của Chánh Thanh tra Bộ.

10. Tổng kết, rút kinh nghiệm, xây dựng nghiệp vụ thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Bộ.

11. Trưng tập cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia Đoàn thanh tra.

12. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Bộ trưởng quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Trình Bộ trưởng quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập các Đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên, trưng tập Công tác viên thanh tra theo quy định của pháp luật.

5. Kiến nghị Bộ trưởng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ khi có căn cứ cho rằng các quyết định đó trái pháp luật hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra.

6. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

7. Kiến nghị Bộ trưởng xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng; phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của cơ quan, đơn vị đó.

8. Kiến nghị Bộ trưởng giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Tổng Thanh tra.

9. Kiến nghị Bộ trưởng xử lý việc chồng chéo, trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tham mưu, giúp Bộ trưởng phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) giải quyết việc trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

10. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ.

11. Hướng dẫn, đôn đốc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra; phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức, hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ quan, đơn vị đó.

12. Báo cáo Bộ trưởng, Tổng Thanh tra về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

13. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

14. Lãnh đạo Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2

THANH TRA TỔNG CỤC

Điều 8. Vị trí, chức năng, tổ chức của Thanh tra Tổng cục

1. Thanh tra Tổng cục là cơ quan của Tổng cục, có trách nhiệm giúp Tổng cục trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước do Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp cho Tổng cục.

2. Thanh tra Tổng cục có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra và các Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Tổng cục do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Tổng cục trưởng sau khi thống nhất ý kiến với Chánh Thanh tra Bộ. Phó Chánh Thanh tra Tổng cục do Tổng cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra Tổng cục. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Thanh tra viên được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể về tổ chức, biên chế, nhiệm vụ và quyền hạn của Thanh tra Tổng cục.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Tổng cục

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ đối với các tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tổng cục.

2. Thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước do Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp cho Tổng cục.

3. Giúp Tổng cục trưởng thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

4. Giúp Tổng cục trưởng thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về chống tham nhũng.

5. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Tổng cục.

6. Tổng hợp, báo cáo kết quả thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục với Tổng cục trưởng và Chánh Thanh tra Bộ.

7. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc Tổng cục thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra.

8. Tổng kết, rút kinh nghiệm về nghiệp vụ thanh tra trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra Tổng cục.

9. Xử phạt hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

10. Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái với văn bản pháp luật về lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Tổng cục được phát hiện qua công tác thanh tra.

11. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Tổng cục

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước do Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp cho Tổng cục.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Tổng cục trưởng quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về lĩnh vực do Tổng cục quản lý.

4. Kiến nghị Tổng cục trưởng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng cục khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

5. Kiến nghị với Tổng cục trưởng xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng cục trưởng.

6. Kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

7. Báo cáo Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi, trách nhiệm của mình.

8. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Mục 3

THANH TRA SỞ

Điều 11. Vị trí, chức năng, tổ chức của Thanh tra Sở

1. Thanh tra Sở là cơ quan của Sở Khoa học và Công nghệ, có trách nhiệm giúp Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở.

2. Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra và các Thanh tra viên. Chánh Thanh tra Sở do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh. Phó Chánh Thanh tra Sở do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra Sở. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Sở. Biên chế của Thanh tra Sở do Giám đốc Sở quyết định trong tổng biên chế của Sở.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ đối với các tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ trong phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Xử phạt vi phạm hành chính hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về chống tham nhũng.

6. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc Sở thực hiện quy định của pháp luật về công tác thanh tra; phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Sở chỉ đạo, hướng dẫn về tổ chức, hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ quan, đơn vị đó.

7. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Sở.

8. Kiến nghị với cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái với văn bản pháp luật của Nhà nước về khoa học và công nghệ được phát hiện qua công tác thanh tra.

9. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Sở.

10. Yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra.

11. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Giám đốc Sở quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Giám đốc Sở quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Kiến nghị Giám đốc Sở tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở khi có căn cứ cho rằng các quyết định đó trái pháp luật hoặc gây cản trở hoạt động thanh tra; kiến nghị Giám đốc Sở xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Sở.

5. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6. Kiến nghị Giám đốc Sở xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Sở.

7. Kiến nghị Giám đốc Sở giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra. Trong trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh; đối với những vấn đề liên quan đến công tác thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ thì đồng thời báo cáo Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ.

8. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở.

9. Hướng dẫn, đôn đốc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra.

10. Báo cáo Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra tỉnh và Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

11. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở thực hiện pháp luật về thanh tra.

12. Lãnh đạo Thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Mục 4

QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 14. Môi quan hệ phối hợp trong hoạt động của Thanh tra Khoa học và Công nghệ

1. Thanh tra Bộ chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

2. Thanh tra Tổng cục chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng cục trưởng, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ của Thanh tra Bộ.

3. Thanh tra Sở chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, đồng thời chịu sự hướng dẫn về công tác, nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh và về công tác, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ.

4. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thanh tra Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan khác trong việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra và phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

5. Thủ trưởng các cơ quan công an, cơ quan thanh tra chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức liên quan khác trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Khoa học và Công nghệ trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trong hoạt động của Thanh tra Khoa học và Công nghệ

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Thanh tra Khoa học và Công nghệ trong phạm vi quản lý của Bộ; kiện toàn tổ chức, bộ máy của Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục; đảm bảo trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang phục và các điều kiện phục vụ hoạt động thanh tra; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ kiện toàn tổ chức, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, trang phục cho Thanh tra Sở.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chỉ đạo và đảm bảo điều kiện hoạt động cho Thanh tra Sở; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Sở theo quy định của pháp luật.

Mục 5

**THANH TRA VIÊN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ;
CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Điều 16. Thanh tra viên khoa học và công nghệ

1. Thanh tra viên khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thanh tra viên) là công chức nhà nước được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để làm công tác thanh tra tại các cơ quan Thanh tra Khoa học và Công nghệ; được cấp thẻ thanh tra viên và hưởng các quyền lợi của Thanh tra viên theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra viên phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra và Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Khi tiến hành thanh tra, Thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Cộng tác viên thanh tra khoa học và công nghệ

1. Cộng tác viên thanh tra khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Cộng tác viên thanh tra) là người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ thanh tra, được cơ quan Thanh tra Khoa học và Công nghệ trưng tập để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Việc trưng tập, tiêu chuẩn, chế độ, trách nhiệm của Cộng tác viên thanh tra thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 18. Nội dung thanh tra hành chính

1. Thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 19. Nội dung thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ

Thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, bao gồm:

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; sử dụng, phổ biến kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; đăng ký và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ; đăng ký, công bố, giao nộp kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; đăng ký, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; đặt và tặng giải thưởng khoa học và công nghệ và các hoạt động khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ;

2. Hoạt động chuyển giao công nghệ; hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ; đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ; đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và các hoạt động khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ;

3. Hoạt động xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp; hoạt động dịch vụ tư vấn sở hữu công nghiệp, đại diện sở hữu công nghiệp và các hoạt động khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp;

4. Việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; hoạt động chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; hoạt động công nhận hệ thống quản lý chất lượng của phòng thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tổ chức giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và các hoạt động khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

5. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, kiểm định phương tiện đo lường; hoạt động phê duyệt mẫu và hiệu chuẩn phương tiện đo; hoạt động của các tổ chức được công nhận, ủy quyền kiểm định phương tiện đo theo quy định của pháp luật về đo lường và các hoạt động khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về đo lường;

6. Hoạt động khai báo và việc thực hiện quy định ghi trong giấy đăng ký, giấy phép hoạt động của cơ sở bức xạ, giấy phép tiến hành công việc bức xạ và giấy phép cho nhân viên làm công việc bức xạ; việc thực hiện quy định về an toàn và kiểm soát bức xạ của cơ sở bức xạ, trách nhiệm của người quản lý cơ sở bức xạ, người phụ trách an toàn bức xạ, nhân viên bức xạ và các hoạt động khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về an toàn và kiểm soát bức xạ;

7. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định khác của pháp luật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Điều 20. Hình thức thanh tra

1. Hoạt động thanh tra được thực hiện dưới hình thức thanh tra theo chương trình, kế hoạch và thanh tra đột xuất.

2. Việc thanh tra theo chương trình, kế hoạch được tiến hành theo chương trình, kế hoạch công tác hàng năm, định kỳ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

Điều 21. Phương thức hoạt động thanh tra

1. Việc thanh tra được thực hiện theo phương thức Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên độc lập.

2. Đoàn thanh tra và Thanh tra viên hoạt động theo quy định của Luật Thanh tra và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Khi tiến hành thanh tra phải có quyết định của Thủ trưởng cơ quan Thanh tra Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhà nước.

4. Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và người ra quyết định thanh tra về quyết định và biện pháp xử lý của mình.

5. Khi xử lý vi phạm, Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên phải thực hiện đầy đủ trình tự theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người ra quyết định thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra

1. Người ra quyết định thanh tra phải thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại các Điều 42, 43 và Điều 52 của Luật Thanh tra, khoản 3 Điều 26, các Điều 27, 28, 30, 31, 32, 33, 35 và Điều 36 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra (sau đây gọi tắt là Nghị định số 41/2005/NĐ-CP), các quy định khác của pháp luật có liên quan và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra hành chính, Trưởng Đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 39 của Luật Thanh tra, các khoản 1 và 2 Điều 26, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 và Điều 35 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thanh tra và trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, Trưởng Đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại các Điều 49 và 50 của Luật Thanh tra, các khoản 1 và 2 Điều 26, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 và Điều 35 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thanh tra và trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

3. Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra hành chính, Thanh tra viên là thành viên Đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 40 của Luật Thanh tra, khoản 1 Điều 26, Điều 27 và Điều 28 của Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, Thanh tra viên là thành viên Đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 50 của Luật Thanh tra, khoản 1 Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thanh tra và trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

4. Trong quá trình thanh tra, các thành viên khác của Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại các điểm a, c, d, và đ khoản 1 Điều 40 của Luật Thanh tra và khoản 1 Điều 26 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP.

Điều 23. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đối tượng thanh tra; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Đối tượng thanh tra có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 8, các Điều 53 và 54 của Luật Thanh tra, các Điều 25, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 45, 46 và khoản 2 Điều 51 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung thanh tra phải cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan thanh tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp. Việc cung cấp, sử dụng và quản lý thông tin, tài liệu có nội dung thuộc bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương IV

CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 24. Cơ sở vật chất kỹ thuật

1. Thanh tra Khoa học và Công nghệ và Thanh tra viên được trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật, trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu.

Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu tương tự, gây sự nhầm lẫn với Thanh tra Khoa học và Công nghệ.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể về:

a) Phương tiện, thiết bị kỹ thuật của Thanh tra Khoa học và Công nghệ;

b) Trang phục, phù hiệu, biển hiệu, cấp hiệu của Thanh tra viên sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra.

Điều 25. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Thanh tra Khoa học và Công nghệ do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Việc lập, cấp phát, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí nghiệp vụ thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương V **KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM;** **GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THANH TRA**

Điều 26. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động thanh tra khoa học và công nghệ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Xử lý vi phạm

1. Người ra quyết định thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên, các thành viên khác của Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra, các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thanh tra thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà bị xử lý theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Trong quá trình hoạt động thanh tra, nếu Thanh tra viên có hành vi vi phạm pháp luật, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ hoạt động đối với Thanh tra viên thuộc quyền quản lý.

Điều 28. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra được thực hiện theo quy định tại các Điều 49 và 50 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính Quốc gia;
- VPCP: BTCN, các Phó Chủ nhiệm, Website Chính phủ, Ban Điều hành 112, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCB (5b). Hoà (320 bản).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng – Đã ký